

# Năng lực dạy học phân hóa của sinh viên ngành Giáo dục thể chất ở các trường đại học sư phạm

Vũ Việt Hùng\*

\*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Received: 8/ 01/2023; Accepted: 12/01/2023; Published: 20/01/2023

**Abstract:** *On the basis of concept building; analyzing the characteristics of students majoring in Physical Education at pedagogical universities; Sticking to the bases of determining the differentiated teaching competency framework of students of the Physical Education major, the author builds a differentiated teaching competency framework of students in the Physical Education major and identifies the criteria, specific indicators and expressions according to each component capacity.*

**Keywords:** *Student; Teaching differentiation; differentiated teaching capacity*

## 1. Đặt vấn đề

Năng lực dạy học phân hóa là một trong những năng lực dạy học quan trọng cần hình thành và phát triển cho sinh viên Đại học Sư phạm (ĐHSP) nói chung và sinh viên ngành Giáo dục thể chất (GDTC) nói riêng.

Việc xác định một cách đúng đắn về các năng lực DHPH của sinh viên ngành GDTC các trường ĐHSP và xác định các tiêu chí và chỉ báo cụ thể theo từng năng lực thành phần có vai trò quan trọng, tạo cơ sở để nhà trường mà trực tiếp là đội ngũ giảng viên định hướng tổ chức các hoạt động phát triển năng lực DHPH cho SV ngành GDTC; đồng thời, nó cũng là cơ sở để sinh viên ngành GDTC tự đánh giá, rèn luyện phát triển năng lực DHPH của bản thân.

Nghiên cứu về phát triển năng lực DHPH cho SV các trường ĐHSP là hướng nghiên cứu nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong những năm gần đây, tuy nhiên, chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về xác định các năng lực DHPH của sinh viên ngành GDTC các trường ĐHSP.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm

Năng lực DHPH của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất ở các trường đại học Sư phạm là tổ hợp các thao tác, hành động của sinh viên nhằm thực hiện quá trình DH có sự phân biệt những cá nhân hay nhóm HS trong lớp học dựa trên các tiêu chí khác biệt nhất định của HS để đạt được mục đích, nhiệm vụ DHPH đã đề ra, đó là giúp học sinh hình thành, phát triển kỹ năng chăm sóc sức khỏe, kỹ năng vận động, thói quen tập luyện thể dục thể thao và rèn luyện những phẩm chất, năng lực để trở thành người công dân phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần,

đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế, góp phần phát triển tâm vóc, thể lực người Việt Nam; đồng thời phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

### 2.2. Đặc điểm của sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất

Theo Từ điển Giáo dục học : “SV được hiểu là người học của một cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học. Có thể phân loại sinh viên đại học theo những phạm trù khác nhau” [4; tr343].

Theo xã hội học, SV là đại biểu của nhóm xã hội đặc biệt gồm những người đang chuẩn bị họa động lao động trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định. Ở cấp độ xã hội, SV là những người đang chuẩn bị nhập vào đội ngũ tri thức của xã hội. Ở cấp độ cá nhân SV là những người đang trưởng thành về mặt xã hội, chín muồi về cơ thể, định dinh về nhân cách đang học tập, tiếp thu những tri thức, KN của một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

Theo các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Xã hội học, SV là đại biểu của nhóm xã hội đặc biệt gồm những người đang chuẩn bị họa động lao động trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định. Ở cấp độ xã hội, sinh viên là những người đang chuẩn bị nhập vào đội ngũ tri thức của xã hội. Ở cấp độ cá nhân sinh viên là những người đang trưởng thành về mặt xã hội, chín muồi về cơ thể, định dinh về nhân cách đang học tập, tiếp thu những tri thức, kỹ năng của một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

Trên cơ sở đó chúng tôi hiểu sinh viên các trường ĐHSP là những người đang học tập, rèn luyện trong các trường ĐHSP để trở thành những người giáo

viên tương lai của xã hội. Họ mang đầy đủ những đặc điểm chung của sinh viên song ở họ còn có những đặc thù riêng về nhân cách và hoạt động của nghề nghiệp.

SV ngành GDTC cũng mang những đặc điểm chung của SV trường ĐHSP, bên cạnh đó cũng có những điểm riêng gắn với chuyên ngành được đào tạo của họ. Những nét đặc thù này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập, rèn luyện phát triển năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của SV ngành GDTC trong các nhà trường.

Mục đích hoạt động của SV ngành GDTC là trở thành người giáo viên GDTC trong tương lai – một nghề nghiệp đặc thù – một thứ lao động “siêu lao động”, mà sản phẩm của hoạt động này chính là nhân cách của con người. Đây là hoạt động nghề nghiệp mà đất nước giao phó cho họ một trọng trách to lớn: Giáo viên GDTC có vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, hoàn thiện về thể chất và nhân cách, nâng cao khả năng làm việc, nâng cao sức khỏe cho người học.

Nhiệm vụ của người giáo viên GDTC là tái tạo lại những kinh nghiệm xã hội mà loài người đã đúc kết cho thế hệ trẻ, đồng thời giúp thế hệ trẻ rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe. Vì thế, người SV ngành GDTC ngoài việc học tập để nắm được các tri thức xã hội, tri thức chuyên môn, họ còn phải học cách tái tạo lại những tri thức đó, tức là “học cách dạy” – cách làm thầy, đồng thời phải chiếm lĩnh những kiến thức, kỹ năng của một huấn luyện viên thực thụ theo từng phân môn.

Không giống như các nghề nghiệp khác, nghề thầy giáo có công cụ lao động rất đặc biệt, là nghề “lấy nhân cách để hình thành nhân cách”. Vì thế mà, việc học tập rèn luyện của mỗi SV ngành GDTC trong nhà trường sư phạm không nằm ngoài mục đích đạt đến nhân cách người thầy giáo.

Việc học tập của mỗi SV ngành GDTC không chỉ đóng khung trong nhà trường, trên lý thuyết sách vở mà còn mở rộng ra bên ngoài xã hội, học tập trong thực tiễn, học tập suốt đời. Trong quá trình đó, nhân cách của họ không ngừng hoàn thiện và phát triển. Những đặc điểm đặc thù trong hoạt động học tập của sinh viên sư phạm đã đặt ra những yêu cầu khách quan đối với họ về những phẩm chất nhân cách.

Trước hết, SV ngành GDTC phải có sự am hiểu về đường lối, chính sách của Đảng, có lập

trường chính trị vững vàng. Có như vậy, họ mới có thể hoàn thành tốt sứ mệnh cao cả của nghề nghiệp tương lai là giáo dục thế hệ trẻ theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, SV ngành GDTC có sự kiên trì, lòng say mê nghề nghiệp, tình thương yêu con người, lòng yêu trẻ, biết thông cảm thấu hiểu và có một lương tâm trách nhiệm cao cả.

Thứ ba, SV ngành GDTC phải có một trí tuệ phát triển cao, một tư duy sắc bén, giải quyết vấn đề nhanh chóng, hiệu quả, có khả năng thích nghi cao. Bên cạnh đó, SV ngành GDTC phải không ngừng tích cực học hỏi, tìm tòi, chiếm lĩnh không chỉ những tri thức chuyên môn mà cả những tri thức xã hội, những tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại.

Thứ tư, SV ngành GDTC cũng cần có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để ngày càng hoàn thiện vốn tri thức của mình, sẵn sàng cho công việc trong tương lai đạt kết quả tốt. “Người thầy giáo phải học tập, nhưng học tập và dạy dỗ học sinh, ...

Cuối cùng, SV ngành GDTC luôn phải ý thức được mục đích trở thành người giáo viên trong tương lai. Mục đích này sẽ trở thành kim chỉ nam thúc đẩy họ không ngừng hoạt động nhằm đạt tới nó.

### **2.3. Khung năng lực dạy học phân hoá của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất ở trường Đại học Sư phạm**

#### **2.3.1. Cơ sở xác định khung năng lực dạy học phân hoá của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất ở trường Đại học Sư phạm**

*\*) Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông [2]:*

Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã qui định rõ tại Điều 5 về tiêu chuẩn Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ với 05 tiêu chí như sau: Phát triển chuyên môn bản thân; Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; Tư vấn và hỗ trợ học sinh. Như vậy, đây chính là một trong những căn cứ để xác định hệ thống các năng lực DPHP cần hình thành và phát triển cho sinh viên các trường ĐHSP nói chung và sinh viên ngành GDTC nói riêng.

*\*) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở các trường đại học Sư phạm*

Chương trình đào tạo cử nhân ở các trường đại học Sư phạm giúp người học:

- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, và chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc giáo dục tiếp tục;

- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại;

- Có kiến thức, kỹ năng khoa học ngành/liên ngành cần thiết và có khả năng vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, nghiên cứu cũng như vào thực tiễn và tự học suốt đời; nhận biết được giá trị văn hóa của khoa học ngành/liên ngành.

- Có khả năng và ham muốn học hỏi, tiếp thu những giá trị phổ quát, tinh hoa của văn hóa nhân loại; biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

\*) Chuẩn đầu ra của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Thể chất ở các trường đại học Sư phạm giúp người học có:

- Kiến thức đại cương có liên quan đến chuyên ngành, nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ tiềm lực tiếp thu khối kiến thức chuyên ngành.

- Kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để phát triển năng lực nghề nghiệp giảng dạy tại bậc học phổ thông.

- Kiến thức cơ bản, nền tảng của lĩnh vực sư phạm và hoạt động TDTT, lý luận và phương pháp các môn

thể thao phổ cập.

- Quy trình, phương pháp, nguyên tắc dạy học và huấn luyện TDTT; thực tiễn hoạt động GDTC trường học.

- Tiềm năng khoa học để tự phát triển năng lực nghề nghiệp đáp ứng diễn biến phát triển của thực tiễn nhà trường các cấp về lĩnh vực GDTC.

- Khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và nghiên cứu chuyên ngành.

- Bước đầu sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu tài liệu chuyên ngành.

- Kỹ năng thực hành các môn thể thao phổ cập.

- Kỹ năng tổ chức và điều khiển các hoạt động TDTT trường học.

- Kỹ năng thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung môn học.

- Kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm.

- Đạt tiêu chuẩn vận động viên cấp 2 và cấp 3 ở một số môn thể thao.

- Thấm nhuần thế giới quan Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người cán bộ nghiên cứu.

#### 2.4. Khung năng lực dạy học phân hoá của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất ở các trường Đại học Sư phạm

Dựa trên các cơ sở đã phân tích, Luận ách xác định khung năng lực dạy học phân hoá của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất ở các trường Đại học Sư phạm như sau:

*Bảng 1. Khung năng lực DPHP của SV ngành GDTC các trường ĐHS*

Tiêu chí	Chi báo	Biểu hiện
1. Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học	1.1. Phân tích, đánh giá và phân hóa được người học	1.1.1. Xác định đầy đủ các nội dung cần tìm hiểu về người học
		1.1.2. Lựa chọn và sử dụng các phương pháp, công cụ tìm hiểu người học phù hợp
		1.1.3. Xử lý các thông tin thu được về người học, xác định và phân loại mức độ năng lực của người học
	1.2. Nghiên cứu chương trình, nội dung dạy học môn học phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của người học	1.2.1. Xác định mục tiêu, yêu cầu của môn học
2. Năng lực thiết kế bài học theo hướng phân hóa	2.1. Xác định mục tiêu bài học đảm bảo tính vừa sức chung và vừa sức riêng của người học	1.2.2. Xác định cấu trúc và nội dung môn học phù hợp với các đối tượng người học
		2.1.1. Đánh giá ban đầu để phân loại người học
		2.1.2. Xác định rõ các phẩm chất, năng lực ngành Giáo dục Thể chất cần hình thành cho người học
	2.2. Phân tích nội dung bài học	2.1.3. Xác định mục tiêu bài học theo hướng phân hoá (mục tiêu tối thiểu, nâng cao)
		2.2.1. Lựa chọn các nội dung phù hợp với các đối tượng người học
		2.2.2. Phân bậc các nội dung học tập theo các mức độ phù hợp để các đối tượng người học có thể tiếp cận

	2.3. Lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp mục tiêu, nội dung và năng lực người học	2.3.1. Xác định phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện, kỹ thuật dạy học phù hợp với bài học 2.3.2. Xác định phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện, kỹ thuật dạy học phù hợp với đặc điểm người học và điều kiện dạy học
	2.4. Thiết kế hoạt động dạy và học	2.4.1. Xác định các hoạt động dạy và học phù hợp với năng lực của người học 2.4.2. Thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp với phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học và năng lực của người học
	2.5. Thiết kế các bài tập phân mức phù hợp với năng lực người học	2.5.1. Xác định các phân mức bài tập khác nhau 2.5.2. Thiết kế các bài tập phân mức
	3. Năng lực tổ chức thực hiện bài học phân hóa	3.1. Sử dụng phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học 3.2. Thu thập và xử lý các thông tin phản hồi trong dạy học, làm chủ cảm xúc và hành động của bản thân 3.3. Giao tiếp trong lớp học 3.4. Quan sát và điều chỉnh hành vi không mong đợi của học sinh trong lớp học
4. Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phù hợp	4.1. Thiết kế công cụ đánh giá phù hợp với môn học và trình độ của người học 4.2. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của người học 4.3. Hướng dẫn, giám sát người học tự đánh giá	4.1.1. Xây dựng được tiêu chí, thang đánh giá 4.1.2. Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập gắn với thực tiễn để đánh giá năng lực người học 4.2.1. Sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ đánh giá theo tiếp cận năng lực 4.2.2. Kết hợp đánh giá các hoạt động học tập của học sinh theo chuẩn phẩm chất và năng lực 4.3.1. Hướng dẫn người học tự đánh giá 4.3.2. Giám sát người học tự đánh giá
5. Năng lực quản lý hoạt động dạy học và quản lý người học	5.1. Tự đánh giá và giám sát việc dạy học của bản thân 5.2. Tổ chức, quản lý hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học 5.3. Xây dựng môi trường học tập cho người học	5.1.1. Phân tích những điểm mạnh, những hạn chế trong dạy học của bản thân và có minh chứng kèm theo. 5.1.2. Thích ứng với các điều kiện dạy học khác nhau 5.2.1. Tổ chức hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho người học 5.2.2. Tham vấn, tư vấn học tập cho học sinh trong quá trình dạy học 5.3.1. Xây dựng môi trường học tập dân chủ, cởi mở, an toàn, tạo điều kiện phát triển tối đa năng lực của mỗi người học 5.3.2. Đánh giá và cải thiện môi trường học tập cho người học

### 3. Kết luận

Năng lực DPHP có vai trò quan trọng đối với giáo viên Giáo dục thể chất và đối với sinh viên ngành Giáo dục thể chất – người giáo viên tương lai. Phát triển năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất là hoạt động được các trường ĐHSPT mà trực tiếp là đội ngũ giảng viên và sinh viên qua tâm. Do đó, những kết quả nghiên cứu trên đây là cơ sở lý luận quan trọng để các trường ĐHSPT, đội ngũ giảng viên tham khảo cho quá trình tổ chức các hoạt động phát triển năng lực DPHP cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất các trường ĐHSPT trong bối cảnh hiện nay.

#### Tài liệu tham khảo

1. Apdulinna O.A. (1978), *Nội dung và cấu trúc*

*thực hành sư phạm trong các trường đại học sư phạm trong giai đoạn hiện nay*. NXB Giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông*

3. Gônôbôlin Ph.N (1976), *Những phẩm chất tâm lý của người giáo viên*, Nguyễn Thế Hùng - Ninh Giang dịch, tập 1, NXB Giáo dục.

4. Bùi Hiền (chủ biên) (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

5. Batussep. X.Ia, Sapôrinxki Y.A (1982), *Cơ sở giáo dục học nghề nghiệp*, NXB công nhân kỹ thuật Hà Nội]

6. Duminy (1987), *Teaching methodology - Handbook for population education*, Manilla – Philippin